

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số thuế: 1900605680



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 8
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 29

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1900605680, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Công Ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu số 1900605680, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015:

- Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 (Một trăm mười một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng);
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng;
- Tổng số cổ phần: 11.168.800.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Võ Minh Trang - Tổng Giám đốc

Công ty có trụ sở chính tại: Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng của công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông: Trần Văn Sỹ	Chủ tịch
Ông: Võ Minh Trang	Thành viên
Ông: Lê Văn Sơn	Thành viên

Ban Kiểm Soát

Bà: Quách Thụy Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Phan Chí Quang	Thành viên
Bà: Lý Hồng Yến	Thành viên

Ban Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Ông: Võ Minh Trang	Tổng Giám Đốc
Bà: Nguyễn Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
 - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
 2. Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
 - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
 - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
 3. Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.
 4. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
 5. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
 6. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
 7. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
 8. Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
 9. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 29.

CAM KẾT CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

LỢI ÍCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

Không có thành viên Ban Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu, các công ty có liên quan đến Ban Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Đại Tín được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc,

[Handwritten signature]

Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, Ngày 17 tháng 01 năm 2017



Số: 2210109/16/BCKT-DAITIN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám Đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu ("Công ty"), được lập ngày 17 tháng 01 năm 2017, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



LÊ ĐÌNH HÙNG

Tổng Giám Đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 2149-2013-221-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 01 năm 2017

PHẠM ĐỨC THUẬN

Kiểm toán viên Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3159-2015-221-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		25.708.605.927	18.817.259.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.812.907.606	1.648.459.511
1. Tiền	111		2.773.674.885	1.648.459.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.039.232.721	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	7.577.922.647
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	7.577.922.647
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.398.498.048	3.192.523.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	776.572.150	784.172.312
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	192.212.500	772.286.111
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.04	1.429.713.398	1.636.065.368
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	4.497.200.273	6.398.353.855
1. Hàng tồn kho	141		4.497.200.273	6.398.353.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.505.877.616	97.957.927.001
(200=210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		357.990.656	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	357.990.656	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.142.399.049	92.453.363.359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	88.142.399.049	92.418.363.363
- Nguyên giá	222		149.519.883.502	145.846.678.372
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61.377.484.453)	(53.428.315.009)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	34.999.996
- Nguyên giá	228	V.07	70.000.000	70.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(70.000.000)	(35.000.004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.941.014	173.222.384
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.941.014	173.222.384
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.761.546.897	5.331.341.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.761.546.897	5.331.341.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		119.214.483.543	116.775.186.805
(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.887.227.040	5.087.186.805
I. Nợ ngắn hạn	310		6.837.227.040	5.087.186.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	187.192.411	142.097.423
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	8.595.076	130.685.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	774.449.501	1.147.946.463
4. Phải trả người lao động	314		2.029.922.636	773.127.593
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.410.907.722	1.522.810.087
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		426.159.694	1.370.519.272
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		50.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	50.000.000	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.327.256.503	111.688.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	112.327.256.503	111.688.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		426.171.002	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		213.085.501	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		119.214.483.543	116.775.186.805
(440 = 300 + 400)				

Được thừa kế và đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Người lập biểu

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đơn vị tiền tệ: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	45.002.857.414	41.095.742.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	10.864.033	43.424.083
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		44.991.993.381	41.052.318.709
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	25.110.454.760	24.878.130.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.881.538.621	16.174.187.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	499.130.985	464.742.121
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	23.277.449	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	6.757.843.101	5.808.852.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	8.505.723.830	8.173.400.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		5.093.825.226	2.656.677.012
11. Thu nhập khác	31	VI.08	113.219.513	1.638.596.304
12. Chi phí khác	32	VI.09	34.370.000	1.314.393.958
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		78.849.513	324.202.346
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.172.674.739	2.980.879.358
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.034.534.948	655.793.459
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.138.139.791	2.325.085.899

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.172.674.739	2.980.879.358
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.695.197.364	24.920.567.741
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.109.676.046)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(569.312.803)	(464.742.121)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.298.559.300	26.327.028.932
1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		436.035.087	505.594.415
2. (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.901.153.582	1.173.173.403
3. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.634.601.957)	(11.772.871.391)
4. (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		569.794.361	(616.445.258)
5. (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
6. Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(893.444.390)	(534.280.243)
8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(944.359.578)	(2.894.561.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.733.136.405	12.187.638.530
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.743.923.760)	(37.399.140.494)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		98.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		7.577.922.647	16.703.240.370
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(12.949.132.673)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		499.130.985	464.742.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.431.311.690	(33.180.290.676)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	21.344.246.522
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	21.344.246.522
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		17.164.448.095	351.594.376
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.648.459.511	1.296.865.135
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18.812.907.606	1.648.459.511



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Võ Minh Trang
Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Người lập biểu

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1900605680, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính đặt tại Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Công Ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu số 1900605680, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015:

- Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 (Một trăm mười một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng);
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng;
- Tổng số cổ phần: 11.168.800.

Trong đó:

Cổ phần sở hữu nhà nước:	11.017.600	Cổ phần
Cổ phần ưu đãi:	107.500	Cổ phần
Cổ phần cam kết:	10.800	Cổ phần
Cổ phần đầu giá:	32.900	Cổ phần
	<u>11.168.800</u>	<u>Cổ phần</u>

2. Hoạt động chính

1. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
 - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
 2. Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
 - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
 - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
 3. Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.
 4. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
 5. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
 6. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
 7. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
 8. Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Cho thuê xe.
 9. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 100 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 100 nhân viên).

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

3. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

1. Tuyên bố về tuân thủ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

■ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 3(b)).

Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh VII.04 của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và gia định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

2. Công cụ tài chính

a. Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

b. Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

3. Tiền và tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

b. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

■ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

■ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

5. Các khoản phải thu và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

a. Nguyên tắc ghi nhận

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.

b. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6. Tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 23
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

b. TSCĐ vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

8. Chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

+ Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

+ Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng hoặc không quá 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện: Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng giữa niên độ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

15. Các bên liên quan

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	144.422.688	2.691.373
Tiền gửi ngân hàng	2.629.252.197	1.645.768.138
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	16.039.232.721	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>16.039.232.721</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	18.812.907.606	1.648.459.511

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền nước của khách hàng	776.572.150	689.845.062
Ban Quản lý dự án xây dựng tỉnh Bạc Liêu	-	82.919.676
Phòng kỹ thuật hậu cần công an tỉnh Bạc Liêu	-	11.407.574
Tổng cộng	776.572.150	784.172.312

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	192.212.500	772.286.111
Công ty CP Cát Thịnh Xanh	3.500.000	3.500.000
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Duy	94.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín	12.500.000	-
Công ty TNHH TM DV Vũ Trí Đức	9.212.500	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp 94	73.000.000	390.000.000
Garage Mườì (Đinh Tấn Hiền)	-	20.795.455
Nguyễn Hữu Tuấn	-	135.169.858
Nguyễn Hữu Tiến (Thắng)	-	222.820.798
b. Trả trước cho người bán dài hạn	357.990.656	-
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	-
Nguyễn Hữu Tiến (Thắng)	222.820.798	-
Tổng cộng	550.203.156	772.286.111

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	-	470.000.000
Tạm ứng	88.213.500	48.600.000
Ký quỹ, ký cược	527.592.937	563.334.412
Phải thu khác	813.906.961	554.130.956
Tổng cộng	1.429.713.398	1.636.065.368

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.270.379.493	6.271.893.075
Công cụ dụng cụ	147.264.212	46.904.212
Chi phí SXKD dở dang	79.556.568	79.556.568
Tổng cộng	<u>4.497.200.273</u>	<u>6.398.353.855</u>

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Chi tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCD khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	36.823.637.203	31.982.328.718	76.565.937.338	474.775.113	-	145.846.678.372
Mua trong năm	-	-	-	30.234.450	-	30.234.450
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	4.642.550.467	-	-	4.642.550.467
Tăng khác	-	32.400.000	-	-	-	32.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	672.000.000	-	-	672.000.000
Giảm khác	-	32.426.676	327.553.111	-	-	359.979.787
Số cuối năm	36.823.637.203	31.982.302.042	80.208.934.694	505.009.563	-	149.519.883.502
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.972.763.369	14.442.746.241	28.730.772.680	282.032.719	-	53.428.315.009
Khấu hao trong năm	1.698.349.848	2.707.894.454	4.193.237.297	65.438.348	-	8.664.919.947
Thanh lý, nhượng bán	-	-	644.000.000	-	-	644.000.000
Giảm khác	-	4.722.579	67.027.924	-	-	71.750.503
Số cuối năm	11.671.113.217	17.145.918.116	32.212.982.053	347.471.067	-	61.377.484.453
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.850.873.834	17.539.582.477	47.835.164.658	192.742.394	-	92.418.363.363
Số cuối năm	25.152.523.986	14.836.383.926	47.995.952.641	157.538.496	-	88.142.399.049

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

<i>Chi tiêu</i>	<i>QSD đất</i>	<i>Q.phát hành</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	70.000.000	-	70.000.000
Số cuối năm	-	-	70.000.000	-	70.000.000
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	-	-	35.000.004	-	35.000.004
Khấu hao trong năm	-	-	34.999.996	-	34.999.996
Số cuối năm	-	-	70.000.000	-	70.000.000

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị còn lại

Số đầu năm	-	-	34.999.996	-	34.999.996
Số cuối năm	-	-	-	-	-

* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.000.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng/giảm trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số cuối năm
Chi phí lắp đặt	4.291.479.631	2.151.379.215	2.708.407.253	3.734.451.593
Chi phí đi dời đồng hồ	796.288.049	3.450.930.987	3.317.994.565	929.224.471
Chi phí khác cần phân bổ	243.573.578	1.906.750.066	2.052.452.811	97.870.833
Tổng cộng	5.331.341.258	7.509.060.268	8.078.854.629	4.761.546.897

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SX Vật tư ngành nước Hoàng Gia Phát	-	86.746.000
Công ty Hóa nhựa Đệ Nhất	-	22.095.040
Công ty TNHH Liên Phát	7.899.584	-
CP Quản lý dự án	179.292.827	33.256.383
Tổng cộng	187.192.411	142.097.423

10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.595.076	130.685.967
Ban Quản lý dự án xây dựng tỉnh Bạc Liêu	8.595.076	-
HT điện CS khu HC đ.16-17-18 tỉnh Bạc Liêu	-	80.685.967
CT công TN Bắc Huỳnh (K3,6+K2)	-	50.000.000
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	50.000.000	-
CT công TN Bắc Huỳnh (K3,6+K2)	50.000.000	-
Tổng cộng	58.595.076	130.685.967

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	129.078.156	894.973.956	836.512.903	187.539.209
Thuế TNDN	122.431.144	1.034.534.948	893.444.390	263.521.702
Thuế thu nhập cá nhân	8.141.674	97.012.890	103.291.817	1.862.747
Thuế tài nguyên	66.581.040	1.094.563.680	1.042.284.120	118.860.600
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	634.165.428	879.943.273	1.514.108.701	-
Các loại thuế khác	187.549.021	2.425.688.504	2.410.572.282	202.665.243
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	1.147.946.463	6.429.717.251	6.803.214.213	774.449.501

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước"

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	3.408.321	3.408.321
Phải trả cổ phần hóa	-	470.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.407.499.401	1.049.401.766
Tổng cộng	3.410.907.722	1.522.810.087

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm trước**

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.343.753.478	24.113.244.299	2.768.997.777	111.688.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	4.718.638	-	4.718.638	-
Quỹ khác thuộc vốn CSH	56.661.545	131.406.000	188.067.545	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.325.085.899	2.325.085.899	-
Tổng cộng	90.405.133.661	26.569.736.198	5.286.869.859	111.688.000.000

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	111.688.000.000	-	-	111.688.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	426.171.002	-	426.171.002
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	213.085.501	-	213.085.501
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	4.138.139.791	4.138.139.791	-
Tổng cộng	111.688.000.000	4.777.396.294	4.138.139.791	112.327.256.503

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của cổ đông sở hữu vốn nhà nước	110.176.000.000	110.176.000.000
Ông Trần Văn Sỹ	44.673.000.000	44.673.000.000
Ông Lê Văn Sơn	33.505.000.000	33.505.000.000
Ông Võ Minh Trang	31.998.000.000	31.998.000.000
Vốn góp của cổ đông là tổ chức	20.000.000	20.000.000
Cty TNHH SX nước tinh khiết Ngân Hà	20.000.000	20.000.000
Vốn góp của các cổ đông là cá nhân	1.492.000.000	1.492.000.000
Tổng cộng	<u>111.688.000.000</u>	<u>111.688.000.000</u>

d. Cổ phần

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phần sở hữu nhà nước	11.017.600	11.017.600
Cổ phần ưu đãi	107.500	107.500
Cổ phần cam kết	10.800	10.800
Cổ phần đấu giá	32.900	32.900
Tổng số cổ phần	<u>11.168.800</u>	<u>11.168.800</u>

* Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	426.171.002
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	213.085.501

f. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.138.139.791
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	2.301.323.412
phần phổ thông	
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>206</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ

Đơn vị tiền tệ: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.002.857.414	41.095.742.792
Tổng cộng	<u>45.002.857.414</u>	<u>41.095.742.792</u>

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	10.864.033	43.424.083
Tổng cộng	<u>10.864.033</u>	<u>43.424.083</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	25.110.454.760	24.878.130.988
Tổng cộng	<u>25.110.454.760</u>	<u>24.878.130.988</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.015.803	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	489.115.182	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	-	464.742.121
Tổng cộng	<u>499.130.985</u>	<u>464.742.121</u>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi phải trả cho các cổ đông do chậm cổ phần hóa	23.277.449	-
Tổng cộng	<u>23.277.449</u>	<u>-</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nhân viên	2.784.858.336
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	220.984.887
Chi phí khấu hao TSCĐ	255.540.096
Chi phí bằng tiền khác	3.496.459.782
Tổng cộng	<u>6.757.843.101</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nhân viên	4.042.658.684
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	271.326.406
Chi phí khấu hao TSCĐ	204.549.296
Thuế, phí và lệ phí	1.938.018.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.639.939
Chi phí bằng tiền khác	1.923.530.593
Tổng cộng	<u>8.505.723.830</u>

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	15.037.695	-
Thu do thanh lý ô tô	98.181.818	-
Thu nhập khác	-	1.638.596.304
Tổng cộng	113.219.513	1.638.596.304

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý xe ô tô	34.370.000	-
Chi phí khác	-	1.314.393.958
Tổng cộng	34.370.000	1.314.393.958

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.161.615.694	
Chi phí nhân công	14.463.603.419	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.695.197.364	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.561.141	
Chi phí bằng tiền khác	12.057.091.532	
Tổng cộng	40.797.069.150	

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.172.674.739	2.980.879.358
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.172.674.739	2.980.879.358
Trong đó		
- Thu nhập chịu thuế 20%	5.172.674.739	
- Thu nhập chịu thuế 22%	-	2.980.879.358
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.034.534.948	655.793.459
Thuế TNDN được miễn theo Giấy chứng nhận đầu tư	-	-
Thuế TNDN được giảm 50% theo Giấy chứng nhận	-	-
Thuế TNDN nộp bổ sung cho năm 2012	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.034.534.948	655.793.459



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.2.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.812.907.606	1.648.459.511
Phải thu khách hàng	776.572.150	784.172.312
Phải thu khác	1.429.713.398	1.636.065.368
Đầu tư tài chính	-	7.577.922.647
Tổng cộng	21.019.193.154	11.646.619.838
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán	187.192.411	142.097.423
Chi phí phải trả	-	-
Công nợ khác	3.410.907.722	1.522.810.087
Tổng cộng	3.598.100.133	1.664.907.510
Trạng thái ròng	17.421.093.021	9.981.712.328

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (kỳ dự báo được căn cứ theo vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh), duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp và sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có thông qua tài khoản tập trung để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đảm nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung được quản lý bởi Công ty, Công ty đã tối ưu hóa được các dòng tiền nhàn rỗi và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận, số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	187.192.411	-	187.192.411
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	3.410.907.722	-	3.410.907.722
Tổng cộng	3.598.100.133	-	3.598.100.133

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	142.097.423	-	142.097.423
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	1.522.810.087	-	1.522.810.087
Tổng cộng	1.664.907.510	-	1.664.907.510

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.812.907.606	-	18.812.907.606
Phải thu khách hàng	776.572.150	-	776.572.150
Phải thu khác	1.429.713.398	-	1.429.713.398
Đầu tư tài chính	-	-	-
Tổng cộng	21.019.193.154	-	21.019.193.154

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.648.459.511	-	1.648.459.511
Phải thu khách hàng	784.172.312	-	784.172.312
Phải thu khác	1.636.065.368	-	1.636.065.368
Đầu tư tài chính	7.577.922.647	-	7.577.922.647
Tổng cộng	11.646.619.838	-	11.646.619.838

3. Thông tin về các bên liên quan**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

5. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	78,43%	83,89%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	21,57%	16,11%

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu

Số 92, đường Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	5,78%	4,36%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	94,22%	95,64%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	3,76	3,70
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	17,44	22,95
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,75	0,32
Khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)	2.384,29	-
3. Tỷ suất sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT thuần	11,50%	7,26%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT thuần	9,20%	5,66%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	4,34%	2,55%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	3,47%	1,99%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn VCSH	3,68%	2,08%



Võ Minh Trang

Tổng Giám đốc

Bạc Liêu, Ngày 17 tháng 01 năm 2017

Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Người lập biểu

